TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HSST
Ngày 20-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Huỳnh Quang Duy - Bí thư huyện đoàn huyện Xuyên Mộc

+ Bà Hoàng Thị Kim Ngân - Cán bộ hưu trí

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Dương A T1 - sinh ngày 04 tháng 12 năm 2000 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chổ ở: tổ 1, ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Hoa; Con ông Dương Văn V và bà Văn Nhật D; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Ông Dương Văn V - sinh năm: 1977 và bà Văn Nhật D- sinh năm: 1976. Cùng trú tại: tổ 1, ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Nghề nghiệp: làm rẫy là cha mẹ của bị cáo. (Ông V vắng mặt, bà D có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1974 là Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Có mặt)

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Đức T2- sinh năm 1996; Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Minh S, sinh năm: 1985; Địa chỉ: tổ 9, ấp 4B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Châu Ngọc T- sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt);

2. Ông Nguyễn Hữu Đ - sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 2, ấp C, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt)

3. Bà Văn Nhật D- sinh năm: 1976. Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 6 tháng 4 năm 2017, tại Trung tâm văn hoá xã L, Dương A T1 cùng mẹ Văn Nhật D và chị gái Dương Thị M khi ngồi xem văn nghệ phía sau thì Lê Minh S đến phía trước ngồi trên xe lửa trò chơi làm cản hướng nhìn về sân khấu của chị M. Thấy vậy, chị M nhặt một cục đá nhỏ ném vào lưng S và nói S tránh ra. Lúc này, S liền quay lại chửi chị M, T1 tức giận đứng lên cãi nhau với S và S định xông đến đánh T1 thì mọi người can ngăn và bà D kéo T ra về. Khi đến khu vực giữ xe, S tiếp tục đến gây sự và S tát vào mặt T1 01 cái, T1 liền rút từ trong túi quần ra một con dao nhọn, dài khoảng 20cm định đâm S thì bị anh T2 - Công an viên đến can ngăn, xô S và T1 ra đồng thời anh T2 cản trước ngực S không cho T1 đâm. Thế nhưng, T1 vẫn cầm dao xông vào đâm về phía S và khi đâm như thế thì trúng ngay tay phải anh T2, thấy thế, anh T2 liền lùi lại và T1 tiếp tục cầm dao đến đâm Sơn 2 nhát nữa (01 nhát ngực phải và 01 nhát vai trái) rồi vứt dao vào vườn tràm bỏ chạy một lúc thì bị Công an bắt.

Ngày 7/4/2017, bị hại T2 đề nghị giám định thương tích và yêu cầu cơ quan Công an xử lý hình sự đối với bị cáo T1. Đối với Nguyễn Minh S thương tích không lớn, không đề nghị giám định và cũng không yêu cầu xử lý hình sự.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 105/TgT ngày 19/4/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh BR-VT kết luận Nguyễn Đức T2 có vết sẹo ở mặt trước 1/3 dưới cánh tay phải, kích thước 1,2 cmx 0,2cm đã lành có tỷ lệ thương tật 01%.

Bị cáo Dương A T1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bản tại bản cáo trạng số: 59/QĐ-KSĐT ngày 24 tháng 8 năm 2017 về tội " Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999; các điểm g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương A T1 từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận về số tiền bồi thường.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T là người bào chữa cho bị cáo Dương A T1 thống nhất về tội danh, các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ cũng như về trách nhiệm dân sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là điểm đ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà, người bị hại thống nhất về tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo nhưng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* **Về vật chứng**: Không thu hồi được và không ai có ý kiến yêu cầu gì.

* **Về trách nhiệm dân sự**:

Tại phiên toà, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường chi phí điều trị thương tích là 2.000.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] **Về tố tụng**: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung**:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận giám định thương tích, biên bản thực nghiệm.... Theo đó xác định được rằng: Vào khoảng 21 giờ ngày 6/4/2017, tại trung tâm văn hóa xã L, bị cáo Dương A T1 đã có hành vi dùng dao đâm anh S, tuy biết rõ nếu đâm anh S sẽ dẫn đến gây thương tích cho anh T2 (vì anh T2 đang dùng tay phải ra cản trước ngực của S) nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hậu quả là anh Nguyễn Đức T2 bị thương tích ở cánh tay phải với kết quả giám định tỷ lệ thương tật là 1%. Mặc dù tỷ lệ thương tật của anh T2 là dưới 11% nhưng bị cáo có sử dụng hung khí nguy hiểm là dao thái lan để gây thương tích cho bị hại và bị hại có đơn yêu cầu xử lý về trách nhiệm

hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến sức khoẻ bị hại, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân xấu đã bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Do vậy, cần có một bản án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, xét tại thời điểm phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 4 tháng 2 ngày, đang ở độ tuổi là người chưa thành niên nên về thể chất cũng như tâm sinh lý chưa phát triển đầy đủ, trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống vẫn còn hạn chế, khả năng kìm chế chưa cao nên dễ phạm tội. Ngoài ra, bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hậu quả bị cáo gây ra không lớn; bị cáo và gia đình đã tự nguyện thoả thuận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu bị hại, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ văn hoá thấp. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999.

Đối với đề nghị của người bào chữa, xét thấy bị hại là công an viên đang thi hành nhiệm vụ, không có hành vi trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo cũng như người thân thích của bị cáo nên không có cơ sở để xác định bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra để áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999.

Đối với đề nghị của người bị hại, xét thấy bị cáo không thuộc đối tượng có tiền án, tiền sự, không luôn phá rối trật tự trị an, không vô cớ dùng dao chém anh Sơn mà do hai bên xảy ra mâu thuẫn, với lứa tuổi chưa thành niên, không kìm chế được hành vi của mình mới có hành vi phạm tội nên không có cơ sở để áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Từ những nhận định, đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú ổn định đồng thời nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà để giám sát, giáo dục tại gia đình, cộng đồng cũng đủ để giáo dục, răn đe, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với anh Nguyễn Minh S không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở để xem xét.

[3] **Về trách nhiệm dân sự**: Xét bị cáo chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự 2015 thì cha, mẹ có nghĩa vụ phải bồi thường. Tại phiên toà, bà Văn Nhật D (mẹ bị cáo) và bị hại T2 đã thoả thuận được với nhau về số tiền bồi thường. Xét, sự thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] **Về án phí**: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo là Văn Nhật D phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, xét bị cáo và bà D thuộc hộ nghèo, có đơn yêu cầu miễn án phí do đó theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Dương A T1** phạm tội: *"Cố ý gây thương tích"*

Áp dụng khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999; các điểm g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; các Điều 31, 69, 73 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Dương A T1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Dương A T1 cho Uỷ Ban Nhân Dân xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp, bị cáo Dương A T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Bà Văn Nhật D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đức T2 số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Bị cáo Dương A T1 được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm;
- Bà Văn Nhật D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền